

## QUYẾT ĐỊNH

**V/v công khai cắt giảm, tiết kiệm dự toán  
chi thường xuyên 6,5 tháng cuối năm 2021**

### VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

*Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) năm 2014;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;*

*Căn cứ Quyết định số 303/QĐ-VKSTC ngày 31/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi NSNN năm 2021 áp dụng thống nhất trong ngành Kiểm sát nhân dân;*

*Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-VKSTC ngày 08/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc ủy quyền phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán NSNN năm 2021 cho các đơn vị trong ngành Kiểm sát nhân dân;*

*Căn cứ Quyết định số 142/QĐ-VKSTC ngày 15/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc cắt giảm, tiết kiệm dự toán chi thường xuyên năm 2021 cho các đơn vị trong ngành Kiểm sát nhân dân.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Công khai số liệu cắt giảm, tiết kiệm dự toán chi thường xuyên 6,5 tháng cuối năm 2021 của các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh theo phụ lục đính kèm.

**Điều 2:** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3:** Chánh văn phòng VKSND tỉnh Tây Ninh, Viện trưởng VKSND các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /s. *Alan*

#### Nơi nhận:

- Cục 3-VKSND tối cao (để báo cáo);
- VKSND huyện, thành phố (để thực hiện);
- Lưu: VP,KT *ang*



**Ngô Văn Hồi**

18



VIỆN KSND TỐI CAO  
VIỆN KSND TỈNH TÂY NINH

**CÔNG KHAI ĐIỀU CHỈNH GIẢM DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2021**

(Kèm theo QĐ số 395/QĐ-VKS ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Viện trưởng VKSND tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Đồng

S T T	Đơn vị	Quản lý hành chính (340-341)			Đào tạo bồi dưỡng CB (070-085)	Tổng cộng	Ghi chú
		Tổng	Kinh phí thực hiện tự chủ	Kinh phí không thực hiện tự chủ	Kinh phí không thực hiện tự chủ		
1	2	3=4+5	4	5	6	7=3+6	8
01	VKSND huyện Bến Cầu	17.820.000	17.820.000			17.820.000	
02	VKSND huyện Châu Thành	22.270.000	22.270.000			22.270.000	
03	VKSND huyện D.M.Châu	20.790.000	20.790.000			20.790.000	
04	VKSND huyện Gò Dầu	26.730.000	26.730.000			26.730.000	
05	VKSND thị xã Hòa Thành	23.760.000	23.760.000			23.760.000	
06	VKSND huyện Tân Biên	23.760.000	23.760.000			23.760.000	
07	VKSND huyện Tân Châu	23.760.000	23.760.000			23.760.000	
08	VKSND thị xã Trảng Bàng	26.730.000	26.730.000			26.730.000	
09	VKSND thành phố Tây Ninh	29.700.000	29.700.000			29.700.000	
10	Văn phòng VKSND Tỉnh	101.180.000	99.480.000	1.700.000		101.180.000	
<b>Tổng cộng:</b>		<b>316.500.000</b>	<b>314.800.000</b>	<b>1.700.000</b>	<b>0</b>	<b>316.500.000</b>	

Tây Ninh, ngày 15 tháng 9 năm 2021

VIỆN TRƯỞNG



Ngô Văn Hối

